

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG MẦM NON SƠN CA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Phạm Thị Tuy	Hiệu trưởng – Bí thư chi bộ	Chủ tịch hội đồng	
2	Phạm Thị Vinh	Phó hiệu trưởng – Chủ tịch CĐ	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó hiệu trưởng – Bí thư đoàn TN	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Hoàng Thị Hương	Tổ trưởng tổ MG Nhỡ, Lớn – GV	Thư ký hội đồng	
5	Phạm Thị Quỳnh	Trưởng ban thanh tra – Giáo Viên	Ủy viên hội đồng	
6	Đào Thị Phượng	Tổ trưởng tổ Nhà Trẻ, MGB – GV	Ủy viên hội đồng	
7	Đỗ Thị Thu Phương	Tổ trưởng tổ văn phòng – Kế toán	Ủy viên hội đồng	
8	Nguyễn Thị Loan	NV Y sĩ	Ủy viên hội đồng	
9	Lường Thị Thu Hiền	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
10	Lê Thị Xuyên	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
11	Nguyễn Thị Bích Hiền	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	
12	Nguyễn Thị Hồng Mai	Giáo viên	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	10
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	10
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1 Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	18
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	20
Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo	23
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	27
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	28
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	30
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	31
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	34
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	35
Mở đầu	35
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	40
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	42

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn	42
Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập	45
Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính – quản trị	47
Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn	48
Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi	50
Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	52
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	54
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ	55
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	57
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	60
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	60
Mở đầu	60
Tiêu chí 5.1: Thực hiện chương trình giáo dục mầm non	61
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ	63
Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe	66
Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục	68
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	71
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	71
Phần IV. PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Chú thích
1	UBND	Ủy ban nhân dân
2	CBGV,NV	Cán bộ giáo viên, nhân viên
3	TĐG	Tự đánh giá
4	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
5	CBGV	Cán bộ giáo viên
6	CNTT	Công nghệ thông tin
7	CMHS	Cha mẹ học sinh
8	GDMN	Giáo dục mầm non
9	GV,NV	Giáo viên, nhân viên
10	CNNGV	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên
11	CBQL,GV,NV	Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên
12	HS	Học sinh
13	SDD	Suy dinh dưỡng

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1		x	x	x
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2		x	x	x
Tiêu chí 2.1		x	x	x
Tiêu chí 2.2		x	x	x
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chuẩn 3		x	x	x
Tiêu chí 3.1		x	x	x
Tiêu chí 3.2		x	x	x
Tiêu chí 3.3		x	x	x
Tiêu chí 3.4		x	x	x
Tiêu chí 3.5		x	x	x
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4		x	x	x
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	x
Tiêu chuẩn 5		x	x	x
Tiêu chí 5.1		x	x	x
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3

2. Kết luận: Trường đạt mức 3

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): Trường mầm non Sơn Ca.

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Điện Biên	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Thị Tuy
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Thành phố Điện Biên Phủ	Điện thoại	0215.3810.887
Xã/phường/thị trấn	Phường Him Lam	Fax	
Đạt CQG	Mức độ 2	Website	Mnsonca.pgdtptdienbienphu.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	03/07/2009	Số điểm trường	Không
Công lập	x	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Dân lập	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020
Nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	2	2	2	1	2

Số lớp mẫu giáo 3 - 4 tuổi	2	2	2	1	2
Số lớp mẫu giáo 4 - 5 tuổi	1	2	2	2	1
Số lớp mẫu giáo 5 - 6 tuổi	1	1	2	2	2
Cộng	6	7	8	6	7

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	6	7	8	6	7	
1	Phòng kiên cố	6	7	8	6	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng phục vụ học tập (khối phòng chức năng)	2	2	2	3	4	
1	Phòng kiên cố	2	2	2	3	4	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Khối phòng hành chính quản trị	5	5	5	6	6	
1	Phòng kiên cố	5	5	5	6	6	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
IV	Khối phòng tổ chức ăn (bếp ăn)	1	1	1	1	1	

V	Khối công trình vệ sinh (cán bộ giáo viên và trẻ)	6	6	6	12	12	
Cộng		20	21	22	28	30	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	0	0	0	1	
Phó hiệu trưởng	2	2	0	0	0	2	
Giáo viên	16	16	5	0	0	16	
Nhân viên	3	2	1	0	1	2	
Cộng	22	21	6	0	1	21	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020
1	Tổng số giáo viên	13	15	14	14	16
2	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với nhóm trẻ)	13,25	11	14	10	8,4
3	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)	0	0	0	0	0
4	Tỷ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	16,77	15,8	19,45	16,63	11,45
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	4	5	7	7	5

6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	2	2	2	2	3
...	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2015 - 2016	Năm học 2016 - 2017	Năm học 2017 - 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	204	218	214	183	168	
	- Nữ	82	103	102	82	72	
	- Dân tộc thiểu số	115	132	128	106	84	
2	Đối tượng chính sách	13	110	108	92	68	
3	Khuyết tật	0	0	0	0	0	
4	Tuyển mới	56	58	66	57	53	
5	Học 2 buổi/ngày	204	218	214	183	168	
6	Bán trú	204	218	214	183	168	
7	Tỷ lệ trẻ em/lớp	37,75	34,8	28,66	28,6	25,2	
	Các số liệu khác (nếu có)	0	0	0	0	0	
8	Tỷ lệ trẻ em/nhóm	26,5	22	21	40	21	
	- Trẻ em từ 03 đến 12 tháng tuổi	0	0	0	0	0	
	- Trẻ em từ 13 đến 24 tháng tuổi	0	0	0	0	0	

- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	53	44	42	40	42	
- Trẻ em từ 3-4 tuổi	60	68	49	35	39	
- Trẻ em từ 4-5 tuổi	47	57	62	49	37	
- Trẻ em từ 5-6 tuổi	44	49	61	59	50	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Nhà trường được thành lập theo quyết định số 777/QĐ- CTUBND ngày 03 tháng 7 năm 2009 của UBND (Ủy ban nhân dân) thành phố Điện Biên Phủ Quyết định về việc thành lập Trường Mầm non Sơn Ca, trên cơ sở tách ra từ Trường Mầm non Him Lam. Nhà trường đóng trên địa bàn tổ dân phố 6 phường Him Lam thành phố Điện Biên Phủ.

Năm học 2019 – 2020 trường có tổng số 07 lớp với 168 học sinh, trong đó:

- + Nhà trẻ: 02 nhóm với 42 trẻ;
- + Mẫu giáo: 05 lớp với 126 trẻ;
- + Lớp mẫu giáo 5 tuổi: 02 lớp với 50 trẻ;

Trường có 22 CB,GV,NV (Cán bộ, giáo viên, nhân viên) trong đó: Ban giám hiệu: 03; giáo viên: 16; nhân viên: 03. 100% giáo viên của nhà trường có trình độ đào tạo trên chuẩn, tỷ lệ giáo viên dạy giỏi các cấp 100% trong đó: Giáo viên giỏi cấp trường 08/16 = 50%; cấp thành phố: 05/16 = 31,25%; cấp tỉnh: 3/16 = 18,75%. Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, tâm huyết với nghề nghiệp, có tinh thần tự lực, tự cường khắc phục khó khăn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Giáo viên tích cực đổi mới phương pháp dạy học nhằm đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nhiệm vụ giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Cơ sở, vật chất của nhà trường có tổng số 20 phòng: Kiên cố 20; Sân chơi có đủ các loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, diện tích sân chơi 790m²/168 học sinh đạt 4,7 m²/trẻ, sân được lát nền, lán si măng đảm bảo yêu cầu vui chơi của trẻ. Có bồn hoa, cây cảnh, cây bóng mát, cây ăn quả được cắt tỉa và chăm sóc thường xuyên, đảm bảo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, thân thiện.

Công tác quản lý: Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lễ lối làm việc trong nhà trường. Thực hiện công khai kế hoạch làm việc, công khai tài chính, công khai chất lượng chuyên môn của giáo viên; Hiệu trưởng có kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học và triển khai thực hiện đảm bảo kế hoạch.

Các thành tích nhà trường được công nhận:

Năm học 2015 – 2016. Nhà trường được UBND thành phố tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Công đoàn giáo dục thành phố tặng giấy khen.

Năm học 2016 – 2017. Nhà trường được UBND thành phố tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động xuất sắc. Công đoàn giáo dục thành phố tặng giấy khen. Đoàn thanh niên được Thành đoàn Thành Phố Điện Biên Phủ tặng giấy khen.

Năm học 2017 – 2018. Nhà trường được UBND Tỉnh Điện Biên công nhận tập thể lao động xuất sắc, UBND thành phố tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động tiên tiến.

Năm học 2018 – 2019. Nhà trường được UBND Tỉnh Điện Biên tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, UBND thành phố tặng giấy khen và công nhận tập thể lao động tiên tiến.

Chi bộ nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2018 chi bộ nhà trường đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Tổ chức Công đoàn nhiều năm liên tục đạt công đoàn vững mạnh được Liên đoàn lao động thành phố Điện Biên khen. Chi bộ nhà trường nhiều năm liên tục đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Đoàn thanh niên được Thành đoàn Thành Phố Điện Biên Phủ tặng giấy khen. Ngày 09/02/2015 nhà trường tiếp tục được sở giáo dục và đào tạo tỉnh Điện Biên đánh giá là trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3.

Trong những năm qua nhà trường đã từng bước khẳng định được uy tín, chất lượng của trường so với các trường trong khu vực. Chất lượng đội ngũ giáo viên, chất lượng chăm sóc giáo dục được nâng lên và được khẳng định qua kết quả đánh giá chất lượng của từng năm học, đáp ứng đủ điều kiện trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3. Hằng năm nhà trường làm tốt công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, phối hợp với các cơ quan đoàn thể đóng trên địa bàn, phụ huynh học sinh tập trung mọi nguồn lực tôn tạo cảnh quan môi trường. Duy trì nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và tổ chức tốt các hoạt động của nhà trường.

Trẻ đến trường ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động, trẻ có nề nếp tốt trong việc thực hiện các hoạt động như học tập, vui chơi, vệ sinh, lao động...

Tham gia tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục là nhà trường đang tự làm rõ thực trạng quy mô, chất lượng và hiệu quả các hoạt động đào tạo và nhiệm vụ của nhà trường có phù hợp với mục đích yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội hay không. Ngoài ra quá trình tự đánh giá là xác định và so sánh theo các tiêu chuẩn của kiểm định chất lượng nhà nước xem đạt đến mức nào. Cần xem xét, tự kiểm tra chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn chất lượng giáo

dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục.

Được sự chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo năm học 2019 – 2020 nhà trường thực hiện nghiêm túc Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non, tạo bước chuyển biến lớn trong chất lượng giáo dục của nhà trường, xác định được hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo từng tiêu chí, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Trước yêu cầu thực tiễn về việc nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Trường Mầm non Sơn Ca đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo nội dung tiêu chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Mục đích tự đánh giá

Mục đích của việc tự đánh giá này là nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ; Thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thông qua kết quả tự đánh giá giúp cho tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu của trường. Từ đó có biện pháp khai thác, khắc phục phù hợp để cải thiện chất lượng hoạt động của nhà trường trong những năm tiếp theo nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quy định.

Thông qua việc tự đánh giá, nhận thức của lãnh đạo và tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên về công tác đảm bảo và hoàn thiện chất lượng được thay đổi theo chiều hướng tích cực. Công tác quản lý nhà trường ngày một chặt chẽ và nề nếp hơn. Công tác tự đánh giá thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động giáo dục. Mỗi cá nhân sẽ nhận thức rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trước nhiệm vụ được giao. Từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Tự đánh giá là khâu đầu tiên trong quy trình kiểm định chất lượng giáo dục. Đó là quá trình trường tự xem xét, nghiên cứu trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Tự đánh giá là một quá trình liên tục được thực hiện theo kế hoạch, được dành nhiều công sức, thời gian, có sự tham gia của tập thể cán bộ giáo viên, công nhân viên trong nhà trường. TĐG (tự đánh giá) đòi hỏi tính khách quan, trung thực và công khai. Các giải thích, nhận định, kết luận đưa ra trong quá trình tự đánh giá phải dựa trên các thông tin, minh chứng cụ thể, rõ ràng, đảm bảo độ tin cậy. Báo cáo tự đánh giá phải bao quát đầy đủ nội dung của các chỉ số của tiêu chí trong tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

Để triển khai và hoàn thành tốt công tác tự đánh giá, nhà trường đã huy động tất cả các nguồn lực sẵn có. Thành lập Hội đồng TĐG giá chất lượng gồm cán bộ chủ chốt của trường, trưởng các đoàn thể, các bộ phận chức năng, đại diện Đoàn thanh niên; Công đoàn; Ban thanh tra nhân dân...Ban thư ký là các CB,GV,NV có kinh nghiệm. Hội đồng TĐG giá của trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết, phân công công việc cụ thể cho từng thành viên. Tổ chức tập huấn, hội thảo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng viết báo cáo cho từng nhóm chuyên trách.

Trong quá trình tự đánh giá, các nhóm công tác và ban thư ký đã tiến hành thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục trường mầm non. Trên cơ sở đó phân tích đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ xây dựng kế hoạch tìm biện pháp để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Ban thư ký có trách nhiệm tập hợp các phiếu TĐG theo từng tiêu chuẩn và viết báo cáo tự đánh giá. Sau khi viết báo cáo, nhà trường sẽ công khai báo cáo tự đánh giá.

Quy trình tự đánh giá và các phương pháp của Hội đồng tự đánh giá, thực hiện theo đúng yêu cầu của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường Mầm non.

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường tiến hành theo phương pháp phổ biến quy trình tự đánh giá và yêu cầu các bộ phận, cá nhân của trường phối hợp thực hiện.

Công cụ đánh giá các mức độ: mức độ 1: gồm 5 Tiêu chuẩn, 25 tiêu chí và 75 chỉ số; mức độ 2: gồm 5 Tiêu chuẩn, 25 tiêu chí và 46 chỉ số; mức độ 3: gồm 5 Tiêu chuẩn, 19 tiêu chí và 25 chỉ số theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non.

Kết quả tự đánh giá sơ bộ của nhà trường đã đối chiếu với các mức độ, các tiêu chuẩn, tiêu chí và các chỉ số cụ thể như sau:

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trên cơ sở Điều lệ trường mầm non và các văn bản chỉ đạo của ngành, trong những năm qua các tổ chức bộ máy của nhà trường được kiện toàn và hoạt động theo quy định. Hàng năm nhà trường đã xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, có một cơ cấu tổ chức chặt chẽ, phù hợp với nguồn lực và cơ sở vật chất của trường đúng quy định trong điều lệ trường mầm non. Có hội đồng trường, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, hội đồng chăm giáo viên giỏi cấp trường. Trường có đủ 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng theo quy định. 07/07 nhóm lớp được phân chia theo độ tuổi và được học 2 buổi/ngày. Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Nhà trường chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch của nhà trường hàng năm gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ của ngành GD&ĐT (Giáo dục và Đào tạo), phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội của địa phương, thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, hệ thống hồ sơ lưu trữ theo quy định, phân công sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo các quyền theo quy định. Thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở. Chú trọng công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ giáo viên, nhân viên, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục (Điều 22 Văn bản hợp nhất Luật Giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31/12/2015); phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn; phù hợp với các nguồn lực của nhà trường như đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được xây dựng bằng văn bản, được Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ và UBND phường Him Lam phê duyệt [H1-1.1-01].

Phương hướng xây dựng chiến lược và phát triển của nhà trường được công bố, công khai bằng hình thức niêm yết trên bảng công khai trang thông tin điện tử của nhà trường [H1-1.1-01]; [1.1-03].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện được phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường: Triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước liên quan đến giáo dục mầm non... [H1-1.1-01].

Mức 3:

Nhà trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển; Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường như: Thành lập Ban chỉ đạo, giao nhiệm vụ cho các thành viên giải quyết những công việc liên quan. Định kỳ hàng năm, Ban chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện từ đó điều chỉnh, bổ sung để kế hoạch đạt được mục tiêu của nhà trường trong năm học và cả giai đoạn có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng [H1-1.1-04].

2. Điểm mạnh

Trong những năm qua nhà trường đã xây dựng phương hướng chiến lược của nhà trường, đưa ra các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo giai đoạn được phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ và UBND phường Him Lam phê duyệt và niêm yết trên bảng công khai nhà trường. Hằng năm định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục xây dựng, triển khai thực hiện có hiệu quả phương hướng chiến lược nhà trường.	CBGV (Cán bộ giáo viên)	Phân công giáo viên điều tra phổ cập; phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền cha mẹ đưa trẻ đến trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	
Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược của nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong hội đồng trường, CBQL, GV, NV, cha mẹ trẻ và cộng đồng.	CBGV	Bồi dưỡng chuyên môn đội ngũ; tăng cường thiết bị đồ dùng...	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm qua nhà trường luôn làm tốt công tác kiện toàn Hội đồng trường và các hội đồng khác đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non như: nhà trường có 01 Hội đồng trường gồm 07 thành viên do phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ quyết định (chủ tịch Hội đồng trường là Hiệu trưởng); Có Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi; Hội đồng chấm sáng kiến; hội đồng tự đánh giá được thành lập theo quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Hội đồng trường và các hội đồng khác đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Văn bản Hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT, ngày 24/12/2015 và tổ chức hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em của nhà trường [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh bổ sung nội dung hoạt động cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương [H1-1.2-06].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì hoạt động tích cực có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Hội đồng trường và các hội đồng khác theo quy định, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm Hội đồng trường và các hội đồng khác duy trì tổ chức các hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường mầm non, được đánh giá cao trong việc góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phát huy hiệu quả của các hoạt động, chỉ	Hiệu trưởng, Chủ tịch hội	Kế hoạch	Trong năm học 2019 –	

đạo Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện nghiên túc theo kế hoạch. Định kỳ kiểm tra, rút kinh nghiệm để điều chỉnh cho phù hợp	đồng trường, Phó Hiệu trưởng		2020 và các năm học tiếp theo	
--	------------------------------	--	-------------------------------	--

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các tổ chức tổ chức Đảng với tổng số 18 đảng viên, đạt tỷ lệ 82%; tổ chức Công đoàn với 22 đoàn viên, có ban chấp hành công đoàn gồm 01 đồng chí chủ tịch, 02 đồng chí ủy viên; tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh với 14 đoàn viên có ban chấp hành chi đoàn gồm 01 đồng chí bí thư, 01 đồng chí phó bí thư, 01 đồng chí ủy viên. Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định [H1-1.3-01].

Các tổ chức đoàn thể và tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục như: Công đoàn làm tốt công tác tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên, nhân viên, thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm công dân trong công tác hoạt động xã hội, chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, giáo viên, nhân viên, tăng cường các hoạt động xã hội từ thiện. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho các đoàn viên trong chi đoàn, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn, vận động và phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, hội giảng đặc biệt là phong trào hiến máu nhân đạo, mái ấm tình thương [H1-1.3- 02]; [H1-1.3-03].

Hàng năm, các hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác được rà soát, đánh giá nhằm bổ sung, điều chỉnh hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03].

Mức 2:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định gồm 18 đảng viên tỷ lệ 82%, có ban chi ủy gồm 01 đồng chí bí thư, 01 đồng chí phó bí thư, 01 đồng chí ủy viên, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật theo quy định của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và hàng năm đều được Đảng ủy phường Him Lam đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-01]; [H1-1.3-04].

Hàng năm các đoàn thể, tổ chức khác tích cực hoạt động phối kết hợp với nhà trường thực hiện đảm bảo chỉ tiêu, kế hoạch đề ra góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và các hoạt động khác của nhà trường [H1-1.1-02]; [H1-1.3-03].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá chi bộ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2018 chi bộ nhà trường đạt chi bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu được Đảng ủy phường Him Lam tặng giấy khen [H1-1.3-05].

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường đặc biệt là công tác chuyên môn, vận động và phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, hội giảng đặc biệt là phong trào hiến máu nhân đạo, mái ấm tình thương [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07].

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, Các hoạt động của Công đoàn, đoàn Thanh niên hàng năm được rà soát, điều chỉnh,

đánh giá có hoạt động tích cực và hiệu quả, Chi bộ nhà trường liên tục đạt danh hiệu “Trong sạch vững mạnh” Năm 2018 chi bộ nhà trường đạt chi bộ Trong sạch vững mạnh tiêu biểu được Đảng ủy phường Him Lam tặng giấy khen, là lực lượng nòng cốt, luôn gương mẫu trong các hoạt động, đặc biệt là công tác chuyên môn, vận động và phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội thi, hội giảng đặc biệt là phong trào hiến máu nhân đạo, mái ấm tình thương.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy tốt vai trò của tổ chức đoàn thể, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, thúc đẩy hoạt động của các đoàn thể.	Hiệu trưởng, bí thư chi bộ, chủ tịch Công đoàn, Bí thư đoàn thanh niên	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hàng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng (tên là Phạm Thị Tuy); 02 phó hiệu trưởng (phó hiệu trưởng 1, tên là Phạm Thị Vinh, phó hiệu trưởng 2, tên là Nguyễn Thị Thanh Thủy), hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ theo quy định tại Thông tư liên tịch số: 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-01].

Nhà trường có 02 tổ chuyên môn (Tổ Nhà trẻ, Mẫu giáo bé có 8 giáo viên và 1 phó hiệu trưởng; Tổ Mẫu giáo Nhỡ, Lớn có 7 giáo viên và 1 phó hiệu trưởng); có 01 tổ văn phòng (Bao gồm hiệu trưởng 01, kế toán 01, y sĩ 01, nhân viên nuôi 02, bảo vệ 01) có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng đều có 01 tổ trưởng. Các nhân viên làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, bảo vệ, nấu ăn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H1-1.4-02].

Hàng năm tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học. Trong những năm học qua tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các thành viên trong tổ như lên kế hoạch kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, giáo dục trẻ; quản lý, sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị giáo dục, hồ sơ sổ sách, thực hiện quy chế chuyên môn, tham gia đánh giá xếp loại CBGV trong tổ theo quy định, đề xuất khen thưởng tổ viên trong các đợt thi đua; tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động của tổ nhằm phục vụ cho việc thực hiện các hoạt động của nhà trường về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ của nhà trường, của tổ theo quy định, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch, tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên. Các tổ duy trì sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng đảm bảo đúng kế hoạch hoạt động [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

Mức 2:

Hàng năm các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, của trường, căn cứ vào tình hình thực tế của tổ để đề xuất các chuyên đề chuyên môn với nhà trường. Các chuyên đề tổ đã đề xuất như: Chuyên đề giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, chuyên đề lồng ghép giới, giáo dục phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, lồng ghép giáo dục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách

Hồ Chí Minh, tăng cường dạy một số từ khó trẻ còn ngọng, cho trẻ dân tộc thiểu số... Các chuyên đề chuyên môn được tổ chức có tác dụng thiết thực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1-04-07].

Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tổ chức hoạt động theo đúng kế hoạch, định kỳ rà soát, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của tổ và của đơn vị. [H1-1.4-05].

Mức 3:

Tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ của tổ theo quy định như lên kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo tháng, năm học, duy trì sinh hoạt tổ theo quy định, tham mưu hiệu quả tổ chức các hoạt động chuyên đề, phối hợp tổ chức tốt các hội thi, chương trình giao lưu theo các chủ đề, sự kiện, các hoạt động tham quan, lễ hội. Sinh hoạt chuyên môn, bình xét thi đua, tham gia đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo quy định. Tổ văn phòng phối hợp với hiệu phó chuyên môn phụ trách bán trú xây dựng khẩu phần, thực đơn đảm bảo dinh dưỡng phù hợp cho trẻ, phối hợp tổ chức các hoạt động đảm bảo duy trì sinh hoạt theo quy định. Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có những đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1-04-07].

Hàng năm các tổ chuyên môn thực hiện đầy đủ các chuyên đề chuyên môn theo kế hoạch có sự tham gia đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được nhà trường góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng đủ theo quy định. Có các tổ chuyên môn, tổ văn phòng. Hàng năm các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo tổ chuyên môn, tổ văn phòng làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn,	Hiệu trưởng, phó hiệu	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và	

kết hợp với kiểm tra đánh giá chất lượng giáo viên từ đó điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện của trường, lớp, nhằm nâng cao chất lượng chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.	trường, tổ trường		các năm học tiếp theo	
--	-------------------	--	-----------------------	--

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học vừa qua nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi lớp và nhóm trẻ được phân chia theo đúng độ tuổi đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Năm học 2019 – 2020 trường có 07 nhóm, lớp/168 trẻ (Trong đó 02 nhóm trẻ 42 học sinh, 02 lớp mẫu giáo bé với 39 học sinh, 01 lớp mẫu giáo nhỡ với 37 học sinh, 02 lớp mẫu giáo lớn với 50 học sinh) [H1-1.5-01].

100% các nhóm, lớp được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày đảm bảo theo quy định [H1-1.5-02].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có trẻ khuyết tật hòa nhập [H1-1.5-02].

Mức 2:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo của nhà trường đều được phân chia theo độ tuổi và không vượt quá số lượng trẻ theo quy định [H1-1.5-01].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có năm nào vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo cụ thể: Năm học 2015 - 2016 có tổng số là 204 trẻ và 06 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2016 - 2017 có tổng số là 218 trẻ và 07 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2017 - 2018 có tổng số là 214 trẻ và 08 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; năm học 2018 - 2019 có tổng số là 183 trẻ và 06 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; đến thời điểm hiện tại nhà trường có 168 trẻ và 02 nhóm trẻ, 05 lớp mẫu giáo [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có số lượng trẻ trong mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo đúng độ tuổi và đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường huy động tỷ lệ trẻ đến trường đảm bảo theo kế hoạch giao 100% trẻ đến trường đều được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì số nhóm, lớp, phân chia theo độ tuổi, rà soát số trẻ 0-5 tuổi trên địa bàn phường, tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, huy động trẻ trong độ tuổi ra nhóm lớp đạt và vượt chỉ tiêu giao.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng các tổ chuyên môn.	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) *Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

c) *Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

a) *Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

b) *Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản, các loại hồ sơ sổ sách quản lý hành chính, tài chính và tài sản, được lưu trữ đầy đủ theo quy định tại mục 1 chương II của luật lưu trữ bao gồm các hồ sơ như: Hồ sơ quản lý chuyên môn; Hồ sơ chi bộ; Hồ sơ công đoàn; Hồ sơ đoàn thanh niên; Hồ sơ quản lý nhân sự; Hồ sơ quản lý trẻ em; Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính; Hồ sơ quản lý bán trú; Hồ sơ lưu công văn đi, đến; Sổ ghi Nghị quyết nhà trường. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường: Phần mềm kế toán Misa, phần mềm cơ sở dữ liệu quốc gia, phần mềm phổ cập [H1-1.6-01]; [1.4-06]; [1.6-02]; [1.6-03]; [1.6-04]; [1.6-05]; [1.6-06]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.5-01]; [H1-1.6-09]; [H1-1.4-05].

Hằng năm nhà trường đều lập dự toán thực hiện công tác thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định, định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản, lưu trữ chứng từ thu, chi, quyết toán đầy đủ và công khai theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương và các quy định hiện hành [1.4-06]; [1.6-06].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục của nhà trường [H1-1.6-07].

Mức 2:

Trong các năm học qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ

thông tin trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet, có sử dụng một số phần mềm phục vụ cho công tác quản lý hành chính, tài chính, tài sản và các hoạt động trong nhà trường [1.6-04].

Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản, lưu trữ các chứng từ đầy đủ, khoa học không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản [H1-1.6-07].

Mức 3:

Nhà trường xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương: Kế hoạch xã hội hóa giáo dục được các tổ chức, cá nhân, các bậc cha mẹ học sinh hưởng ứng cao [1.4-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách, được lưu trữ đầy đủ theo quy định của luật lưu trữ. Hằng năm đã làm tốt công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động chăm sóc giáo dục. Trong những năm vừa qua nhà trường sử dụng có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính tài chính và tài sản của nhà trường. Trong 5 năm liên tiếp nhà trường được các cấp kiểm tra đánh giá, kết luận không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, có đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục của nhà trường, theo quy định của trường mầm non và tiếp tục quản lý có hiệu quả các nguồn lực tài chính cơ sở vật chất nhằm phục vụ thiết thực hoạt động giáo dục của nhà trường.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường xây dựng bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ, đưa ra các giải pháp cụ thể cho việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05].

Hằng năm nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo rõ ràng, hợp lý, phù hợp với năng lực sở trường công tác, đảm bảo hiệu quả nhằm phát huy khả năng của mỗi cá nhân trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-01].

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định theo Điều 37 Điều lệ trường mầm non ban hành tại văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ GD&ĐT như: Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, được hưởng lương phụ cấp và các chế độ khác theo quy định, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần, được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ chính sách quy định, được bảo vệ nhân phẩm danh dự; được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-02]; [H1-1.1-02]; [H1-1.7-03].

Mức 2:

Trong những năm qua nhà trường xây dựng kế hoạch có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động giáo dục góp phần phát triển và nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường [H1-1.4-03]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng đầy đủ các loại kế hoạch theo quy định, có các nội dung bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, phân công nhiệm vụ cụ thể, hợp lý, rõ ràng phù hợp với năng lực từng người, có những biện pháp phát huy được khả năng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường được bảo đảm các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục làm tốt công tác bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tham gia học, các lớp nâng cao nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao, nâng chuẩn. Thực hiện tốt các chế độ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, chi lương và các khoản phụ cấp các chế độ khác theo quy định, đảm bảo đúng đủ kịp thời.	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, kế toán	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành để chỉ đạo xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, lựa chọn mục tiêu, nội dung và các hoạt động giáo dục phù hợp với nhận thức của học sinh, phù hợp với điều kiện của lớp, của trường và địa phương [H1-1.5-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01].

Chỉ đạo giáo viên các nhóm, lớp thực hiện đầy đủ kế hoạch hoạt động giáo dục, hiệu quả các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định của lớp, của trường, của ngành và địa phương; [H1-1.5-02]; [H1-1.4-05].

Định kỳ nhà trường tiến hành kiểm tra, rà soát, đánh giá và điều chỉnh kịp thời kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp [H1-1.5-02]; [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chỉ đạo chuyên môn, có biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của từng nhóm, lớp, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Trong những năm học vừa qua không có giáo viên nào vi phạm quy chế chuyên môn. Chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ qua từng năm được nâng lên một cách rõ rệt [H1-1.6-07]; [1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng chương trình giáo dục, có kế hoạch chỉ đạo năm học, chuyên môn được xây dựng cụ thể theo năm, tháng, tuần, ngày phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định. Hàng năm nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, và điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, được phòng GD&ĐT đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo cán bộ giáo viên thực hiện tốt kế hoạch giáo dục. Thường xuyên kiểm tra đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh kế hoạch	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp	

cho phù hợp.			theo	
--------------	--	--	------	--

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế được cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-01].

Trong 5 năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền xử lý [H1-1.9-02].

Hằng năm nhà trường làm tốt công tác báo cáo quy chế dân chủ cơ sở, nộp về phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ [H1-1.9-05].

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường có các biện pháp giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ như: Công khai chất lượng chăm sóc giáo dục, chất lượng đội ngũ, chất lượng học sinh, tài chính, tài sản, các kế hoạch của nhà trường, thi đua, nâng lương, công tác Đảng, các văn bản liên quan đến chế độ chính sách cán bộ, giáo viên, nhân viên và kết quả xã hội hóa một cách công khai, minh bạch trên bảng tin, bảng công khai, báo cáo tổng kết của nhà trường để mọi người cùng biết [H1-1.9-03]; [1.9-04]; [H1-1.9-05]; [H1-1.9-06]; [H1-1.6-07]; [1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ. Tất cả các CB, GV, NV đều được đóng góp ý kiến bổ sung xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế. Hằng năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng GD&ĐT đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế nhà trường đã xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ, triển khai đầy đủ trong nhà trường đầy đủ kịp thời các văn bản của cấp trên về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, thực hiện tốt các công khai theo quy định, các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường thông qua các đợt bồi dưỡng thường xuyên hè, các buổi hội họp của nhà trường. Nhà trường có bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở dịch vụ ăn uống [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [1.6-05]; [1.10-06].

Nhà trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [1.10-07]; [H1-1.1-02].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Từ năm 2015 tính đến thời điểm tự đánh giá nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.10-08]; [H1-1.1-02].

Mức 2:

Nhà trường đã phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ, quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện các phương án như: Phương án phòng chống tai nạn thương tích, cho trẻ; phương án phòng chống dịch bệnh; phương án đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng cháy, chữa cháy (Phòng chống cháy nổ); phương án an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phương án phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, đảm bảo an ninh trật tự. Có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Trong các năm học không có hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường trong nhà trường [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự; phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. Triển khai và hướng dẫn cụ thể tới toàn thể CB,GV,NV phương án đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường, phương án phòng chống cháy nổ, phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường Có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, quán triệt giáo viên nhân viên thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Tuyệt đối không có biểu hiện kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tăng cường kiểm tra công tác bảo đảm an ninh trật tự trường học, phối kết hợp chặt chẽ với công an phường Him Lam để bảo vệ tốt Cơ sở vật chất của nhà trường trong các năm học tiếp theo. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, mua sắm bổ sung thiết bị phòng cháy chữa cháy, đăng ký cho CB,GV,NV tham gia lớp tập huấn về phòng cháy chữa cháy thường xuyên kiểm tra đôn đốc giáo viên làm tốt công tác giáo dục trẻ, tuyệt đối không có biểu	Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên, bảo vệ	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

hiện kỳ thi, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.				
---	--	--	--	--

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Nhà trường có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, được phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ, UBND phường Him Lam phê duyệt. Được công bố công khai và niêm yết tại bảng tin của nhà trường. Hội đồng nhà trường được thành lập theo Quyết định số 369/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2016 của phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ. Hội đồng trường đã có kế hoạch nhiệm kỳ 2016 – 2021 và kế hoạch hoạt động năm học. Nhà trường thực hiện tốt công tác giám sát hoạt động, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và Quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường đúng quy định. Nhà trường có các tổ chức như Chi bộ Đảng, Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội CMHS (cha mẹ học sinh) tổ chức hoạt động theo quy định. Các tổ chức đoàn thể đã xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để thúc đẩy sự phát triển của trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Hàng năm Chi bộ tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của đảng viên. Xếp loại đảng viên, chi bộ theo quy định. Trường có đủ số lượng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo quy định. Nhà trường có 02 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng. Định kỳ 2 lần/năm nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hoạt động của tổ chuyên môn, tư vấn điều chỉnh kế hoạch phù hợp với điều kiện của trường, lớp. Thực hiện sinh hoạt tổ theo quy định là 2 lần/tháng. Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường có 02 nhóm trẻ, 5 lớp mẫu giáo đảm bảo số lượng theo quy định, được phân chia theo đúng độ tuổi được tổ chức ăn bán trú và học 2 buổi/ngày. Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non. Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản đúng quy định; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý,

giáo viên và nhân viên. Nhà trường phân công nhiệm vụ phù hợp với khả năng, năng lực của từng cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo hợp lý, hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường. Thực hiện tốt các chế độ đối với CB,GV,NV. Chi lương và các khoản phụ cấp, các chế độ khác theo quy định đảm bảo đầy đủ, kịp thời. Nhà trường có kế hoạch chỉ đạo chuyên môn được xây dựng cụ thể theo năm, tháng, tuần, ngày phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định. Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ cơ sở. Hằng năm, nhà trường báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở với phòng GD&ĐT đúng quy định. Thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế nhà trường đã xây dựng đảm bảo công khai, minh bạch. Nhà trường đã xây dựng phương án cụ thể về đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường: xây dựng phương án phòng chống cháy nổ, trang bị đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ tại trung tâm và các điểm trường. Nhà trường có hòm thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường. Nhà trường thường xuyên kiểm tra thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

- *Tổng số tiêu chí: 10 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Để đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay thì đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên có vai trò quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến chất lượng cũng như các hoạt động của các nhà trường. Cùng với sự quan tâm của các cấp, các ngành, trường mầm non Sơn Ca có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giàu kinh nghiệm, trình độ chuyên môn vững vàng.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có nhiều năm công tác liên tục trong GDMN (giáo dục mầm non), có trình độ đào tạo trên chuẩn, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý giáo dục và trung cấp lý luận chính trị; có năng lực quản lý nhà trường và khả năng ứng dụng CNTT (Công nghệ thông tin) trong công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn. Đội ngũ GV,NV (Giáo viên, nhân viên) nhà trường đảm bảo đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu. Đội ngũ có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, có trình độ đào tạo trên chuẩn đạt ở mức khá cao. Chất lượng, năng lực đội ngũ đã từng bước được nâng lên đáp ứng với nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ theo chương trình GDMN và yêu cầu đổi mới về GDMN

trong giai đoạn hiện nay. Đội ngũ được bố trí công việc phù hợp với vị trí việc làm, giúp phát huy khả năng, năng lực của từng cá nhân. Tất cả cán bộ, giáo viên và nhân viên đều được tham gia các lớp bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được đảm bảo các quyền lợi, chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước, của ngành, được đánh giá xếp loại hàng năm. Không có cán bộ, giáo viên và nhân viên vi phạm pháp luật.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tin nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 01 hiệu trưởng, 02 phó hiệu trưởng, có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm chuyên ngành giáo dục Mầm non, hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong giáo dục mầm non 29 năm, 2 phó hiệu trưởng có thời gian công tác liên tục trong GDMN 13 năm trở lên, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; đủ sức khỏe và năng lực tổ chức quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường [H1-1.6-08]; [H2-2.1-01].

Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được phòng GD&ĐT thành phố Điện Biên Phủ đánh giá xếp loại đạt từ khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn theo quy định như: Bồi dưỡng lý luận chính trị, chuyên môn hè, bồi dưỡng chuyên đề, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-01]; [H2-2.1-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ đánh giá đạt từ mức khá trở lên theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị. Trong quá trình công tác ban giám hiệu luôn được sự tín nhiệm của tập thể giáo viên, nhân viên trong trường đánh giá tốt về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và năng lực chuyên môn nghiệp vụ [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, trong đó hiệu trưởng 02 năm (năm 2014-2016) đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức xuất sắc. 02 phó hiệu trưởng 02 năm (năm 2016-2018) đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức xuất sắc, năm học 2018-2019 đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong nhà trường đảm bảo các yêu cầu theo quy định về trình độ đào tạo, năm công tác. Có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ, có năng lực tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động của nhà trường. Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, lý luận chính trị. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong 5 năm liên tục đều được phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Điện Biên Phủ xếp loại Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng từ mức khá trở lên.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục tham gia bồi dưỡng, nâng cao về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục. Nâng cao uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, có đủ sức khỏe.	Ban giám hiệu	Xây dựng kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Có đội ngũ giáo viên về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng số 16 giáo viên tỷ lệ 2.28 giáo viên /lớp, giáo viên đủ số lượng theo quy định của thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT.-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.6-08]; [H1-1.7-01].

16/16 giáo viên đạt 100% có trình độ đào tạo trên chuẩn [H1-1.6-08]; [H1-1.7-01].

Hàng năm 100% giáo viên trong trường được đánh giá xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-01].

Mức 2:

Trong 5 năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá trở lên. [H1-1.6-08]; [H1-1.7-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên được đánh giá đạt mức khá trở lên theo chuẩn nghề nghiệp là 16/16 đạt 100% [H2-2.2-01].

Tập thể giáo viên trong nhà trường luôn cố gắng thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành, của đơn vị trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỉ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-02].

Mức 3:

Tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo [H1-1.6-08]; [1.6-02].

Từ năm học 2015 – 2016 đến thời điểm đánh giá nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức khá trở lên: Năm học 2015 – 2016 có 13 giáo viên được xếp loại CNNGV (Chuẩn nghề nghiệp giáo viên) đạt mức khá, tốt tỷ lệ 100% trong đó xuất sắc đạt 5/13 = 38,46%; Năm học 2016 – 2017 có 15 giáo viên được xếp loại CNNGV mức khá, tốt = 100% trong đó xuất sắc đạt 8/15 = 53,33%; Năm học 2017 – 2018 có 14 giáo viên được xếp loại CNNGV mức khá, tốt = 100% trong đó xuất sắc đạt 9/14 = 64,3%; Năm học 2018 – 2019 có 15 giáo viên được xếp loại CNNGV mức khá, tốt = 100% trong đó mức tốt đạt 9/15 = 60%. [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên theo quy định; 100% giáo viên đạt trình độ trên chuẩn về trình độ đào tạo, giáo viên đủ số lượng theo quy định của Thông tư 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015, 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên. không có giáo viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên qua các	Ban giám hiệu, giáo	Xây dựng kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và	

hoạt động tập huấn chuyên môn, thăm lớp dự giờ, sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.	viên	đề thực hiện	các năm học tiếp theo	
---	------	--------------	-----------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 03 nhân viên gồm: Kế toán: 01; 01 y sĩ kiêm văn thư; 01 bảo vệ. Ngoài ra nhà trường còn hợp đồng 02 nhân viên phục vụ nấu ăn hợp đồng ngắn hạn. Số lượng nhân viên đủ theo quy định [H1-1.6-08]; [H1-1.7-01].

Nhân viên trong nhà trường được hiệu trưởng phân công công việc rõ ràng, phù hợp với khả năng, năng lực của từng đồng chí [H1-1.7-01].

100% nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Tính đến thời điểm đánh giá có nhân viên xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.1-02]; [H2-2.3-01].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ

GDĐT và Bộ nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục Mầm non công lập [H1-1.6-08]; [H1-1.7-01].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% nhân viên trong nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-02].

Mức 3:

Nhân viên của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: nhân viên y tế học đường có trình độ trung cấp y, kế toán nhà trường có trình độ đại học kế toán, nhân viên y tế kiêm thêm công tác văn thư và đã có chứng chỉ nghiệp vụ văn thư, lưu trữ và hành chính văn phòng, nhân viên nấu ăn được tập huấn hằng năm về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm và có chứng chỉ về tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm [H2-2.3-02].

Hằng năm, nhân viên trong nhà trường được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: nhân viên y tế phụ trách công tác bán trú được bồi dưỡng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, và công tác y tế; kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán; nhân viên bảo vệ được bồi dưỡng về nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy [H2-2.3-02]; [H2-2.1-03].

2. Điểm mạnh

Trường có số lượng nhân viên đủ theo quy định. Nhân viên y tế và nhân viên kế toán có 3/3 nhân viên trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn. Nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nghề nấu ăn. 100% Nhân viên trong trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nhiệm vụ được giao theo Hằng năm được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có nhân viên nào bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề theo yêu cầu của nhà trường.	Nhân viên	Kế hoạch	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có thời gian công tác lâu năm trong ngành giáo dục mầm non, đạt trên chuẩn về trình độ đào tạo, có trình độ lý luận chính trị và đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý giáo dục. Ban giám hiệu có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực trong quản lý trường mầm non, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, có khả năng ứng dụng CNTT tốt trong quản lý, chỉ đạo chuyên môn.

Đội ngũ GV,NV của trường đủ về số lượng và đáp ứng yêu cầu về chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ. Giáo viên thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc - giáo dục trẻ theo chương trình GDMN, có tinh thần học tập, bồi dưỡng về mọi mặt để thực hiện chương trình GDMN, đáp ứng với yêu cầu đổi mới về giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay. 100% giáo viên xếp loại khá, tốt theo quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non. Giáo viên, nhân viên trong trường hàng năm được tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, các lớp nâng chuẩn.

- *Tổng số tiêu chí: 3 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 3*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường mầm non Sơn Ca với tổng diện tích 3943,6m², được xây dựng kiên cố, có khuôn viên riêng biệt, trường có tường bao, cổng trường, biển trường và xây dựng được môi trường xanh, sạch, đẹp theo đúng quy định Điều lệ trường Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường có 07 nhóm/lớp với đầy đủ thiết bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học, trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc, có phòng hành chính, có bếp một chiều, có nhà vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện và các phòng làm việc khác là điều kiện thuận lợi phục vụ dạy học và nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) *Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;*

b) *Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;*

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có).

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổng diện tích khu đất xây dựng là 3943,6m², diện tích sử dụng bình quân tối thiểu cho một trẻ là 23,5 m²/trẻ đảm bảo theo quy định tại Nghị định 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 [H3-3.1-01].

Trường khuôn viên, có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào bao quanh. Khuôn viên của nhà trường đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ [3.1-02].

Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của các lớp đảm bảo theo quy định. Sân chơi chung được quy hoạch và thiết kế phù hợp đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi. Sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp để tạo bóng mát cho trẻ hoạt động vui chơi khi đến trường, đảm bảo cho tất cả trẻ em được tiếp cận sử dụng [3.1-02].

Mức 2:

Nhà trường có diện tích xây dựng công trình là 1271,6m²/394,6m² bằng 33% và diện tích sân vườn là 2672m²/394,6m² bằng 67%, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03].

Khuôn viên trường đều có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài đảm bảo an toàn cho trẻ; có sân chơi, có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, cây xanh thường xuyên được chăm sóc cắt tỉa đẹp. Nhà trường có vườn cây cho trẻ chăm sóc, bảo vệ giúp trẻ khám phá học tập [3.1-02]; [3.1-04].

Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định tại Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non, khu vực trẻ chơi thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, có tường, hàng rào bao quanh đảm bảo an toàn ngăn cách với bên ngoài [H1-1.1-02]; [H3-3.1-05].

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-05]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích đất sử dụng đảm bảo cho trẻ, diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non. Trường khuôn viên, có cổng, biển tên trường, khuôn viên có tường rào bao quanh. Khuôn viên của nhà trường đảm bảo sạch sẽ, phù hợp với cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ theo đúng qui định của Điều lệ trường mầm non. Có bồn hoa, cây cảnh, cây xanh tạo bóng mát, có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, khám phá, học tập. Có đủ các loại đồ chơi ngoài trời theo danh mục, phù hợp với trẻ, đa dạng về chủng loại và có kế hoạch bảo dưỡng hàng năm. Hằng năm được bổ sung thiết bị và đồ chơi ngoài danh mục phù hợp với thực tế. Có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, an toàn phù hợp với các hoạt động vui chơi của trẻ.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Thường xuyên bảo dưỡng, tu sửa, sơn lại các đồ chơi ngoài trời. Tăng cường công tác làm đồ dùng, đồ chơi tự làm. Thường xuyên vệ sinh, đảm bảo môi trường luôn sạch sẽ thoáng mát,	CBQL GVNV (Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân	Kế hoạch sửa chữa, bổ sung đồ dùng thiết bị; xây dựng cảnh quan môi trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp	

chăm sóc, bảo vệ cây xanh tốt, cắt tỉa tạo cảnh quan môi trường thân thiện và tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm chăm sóc, khám phá, học tập, tiếp tục xây dựng và bảo quản tốt cơ sở vật chất.	viên)		theo	
--	-------	--	------	--

5. Tự đánh giá đạt: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm, lớp theo độ tuổi;

b) Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

c) Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định;

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số phòng dành cho các nhóm trẻ, các lớp mẫu giáo đảm bảo số phòng học tương ứng 07 phòng học/07 nhóm, lớp [3.2-01]; [H1-1.5-01].

Trường có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ cho nhóm trẻ, lớp mẫu giáo; có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em [3.2-01]; [3.2-02]; [H3-3.1-03].

Nhà trường có đầy đủ hệ thống đèn điện, hệ thống quạt điện đảm bảo cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Có tủ đựng đồ cá nhân của trẻ và tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học đầy đủ cho các nhóm, lớp [H3-3.1-05].

Mức 2:

Nhà trường có phòng sinh hoạt chung với diện tích bình quân 1,8m²/trẻ, phòng ngủ với diện tích bình quân 1,21m²/trẻ, đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Phòng có đủ ánh sáng tự nhiên, phù hợp với trẻ trong trường mầm non, có đủ đồ dùng phục vụ trẻ ngủ như: Phản, chăn, gối. Có phòng riêng để hoạt động giáo dục thể chất diện tích 61,3m², có đủ đồ dùng đồ chơi phát triển vận động cho trẻ. Phòng giáo dục nghệ thuật diện tích 72m², có đủ gương áp tường, gióng múa, đàn ooc gan cho cô và trẻ, các dụng cụ âm nhạc, trang phục, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [3.2-01]; [3.2-02]; [H3-3.1-03].

07/07 nhóm lớp có hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đầy đủ theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. Được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng [3.2-03]; [H3-3.1-05].

Mức 3:

Nhà trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học, giáo dục nghệ thuật được trang trí đẹp mắt, bố trí hợp lý, có đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy chiếu, đàn ooc gan cho cô và trẻ hoạt động. [H3-3.1-03]; [H3-3.1-05]; [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ cho các nhóm lớp, đảm bảo đủ diện tích bình quân/trẻ theo quy định, nền nhà được lát gạch đá hoa sạch sẽ, có đủ hệ thống đèn, quạt, tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, bàn ghế và các thiết bị, đồ dùng đồ chơi phục vụ cho công tác chăm sóc - giáo dục trẻ. Đặc biệt nhà trường có phòng giáo dục thể chất và có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc, có đủ trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục phát triển thẩm mỹ và thể chất, tin học và ngoại ngữ cho trẻ.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Tham mưu phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố Điện Biên Phủ bổ	CBQL, GV, NV	Tham mưu, lập tờ trình	Trong năm học 2019 – 2020 và các	250.000.000

sung kinh phí sửa chữa lại các khối phòng của hạng mục công trình cũ.			năm học tiếp theo	
---	--	--	-------------------	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ các phòng theo quy định tại Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 Quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục gồm có: Văn phòng trường, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng dành cho nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho CB,GV,NV, khu để xe cho CB,GV, NV [H3-3.1-03]; [3.3-01].

Văn phòng trường có đầy đủ bàn ghế họp, trang thiết bị cho cán bộ, giáo viên, nhân viên họp và tổ chức các hoạt động khác; phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có tủ, bàn làm việc, máy tính, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc. Phòng y tế có giường bệnh, tủ thuốc; phòng hành chính, bảo vệ có đủ đồ dùng, thiết bị đảm bảo theo yêu cầu [H3-3.1-05]; [3.3-01].

Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự [3.3-02].

Mức 2:

Văn phòng trường có diện tích 30m², phòng hiệu trưởng 19,04m², phòng phó hiệu trưởng 19,04m², phòng hành chính quản trị 15m², phòng y tế 11m², phòng bảo vệ 9,6m², phòng dành cho nhân viên 16m², các phòng của nhà trường có diện tích đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non. [H3-3.1-03].

Có khu để xe đảm bảo đủ diện tích cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để xe, có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi [3.3-02].

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non gồm: văn phòng trường, hội trường, phòng hiệu trưởng, phòng các phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho CB,GV,NV, khu để xe cho CB,GV, NV và khu để xe cho khách và phụ huynh [H3-3.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ khối phòng hành chính quản trị đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 3907:2011 về yêu cầu thiết kế trường mầm non gồm: Văn phòng trường, hội trường, phòng hiệu trưởng, phòng các phó hiệu trưởng, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng nhân viên, phòng bảo vệ, khu vệ sinh cho CB,GV,NV, khu để xe cho CB,GV, NV và khu để xe cho khách và phụ huynh. Các phòng đều đảm bảo diện tích, có đầy đủ các thiết bị, phương tiện làm việc, biểu bảng phù hợp với mỗi loại phòng.

3. Điểm yếu: Không.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phát huy những điểm mạnh, tham mưu với Phòng Giáo dục bổ sung kinh phí tu sửa hàng năm.	Hiệu trưởng	Tham mưu, lập tờ trình	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	70.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;

b) Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c) Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có bếp ăn được xây dựng kiên cố, đảm bảo theo đúng quy trình bếp ăn một chiều [H3-3.1-03]; [3.4-01].

Bếp ăn của nhà trường có kho chứa thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm [3.4-02].

Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn cho trẻ hàng ngày được bảo quản sau 24 giờ, tủ lạnh được kiểm tra vệ sinh sạch sẽ thường xuyên [3.4-01]; [1.6-05].

Mức 2:

Bếp ăn của trường có diện tích 52m², đảm bảo theo quy định tại Điều 29 Điều lệ trường mầm non. Đảm bảo diện tích 0,3m² cho một trẻ, được sắp xếp theo quy trình hoạt động một chiều, gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn. Nhà bếp có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ em ăn bán trú tại trường như: tủ com, nồi com điện, các loại bát, thìa inox, tủ nhôm kính đựng đồ dùng, dụng cụ chế biến thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn hàng ngày, có đủ nước sạch sử dụng hằng ngày, thường xuyên xử lý rác thải đúng quy định, có Robot phát hiện rò rỉ ga và có đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy [H3-3.1-05]; [H3-3.4-03]; [1.10-06].

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non: được xây dựng độc lập với khối phòng nhóm trẻ lớp mẫu giáo và sân chơi, dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh. Tiêu chuẩn diện tích 0,3m²/1 trẻ. Khu sơ chế, chế biến thực phẩm đủ ánh sáng thông thoáng, ngăn cách với khu nấu ăn và khu chia thức ăn. Khu chia thức ăn có cửa mở trực tiếp với hành lang chung để tới các phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo. Có đủ các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho việc làm vệ sinh sơ chế thức ăn và khử trùng như: Tủ sấy bát đĩa tiệt trùng, máy xay thịt, xay đậu... Các dụng cụ chứa thức ăn và sử dụng để ăn uống đều được làm bằng vật liệu dễ làm vệ sinh, không gây

độc hại như chất liệu Inox, nhôm, sử dụng bếp điện 3 pha, hệ thống giàn ga công nghiệp. Có tủ lạnh bảo quản thực phẩm và có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác [H3-3.1-05]; [1.6-05]; [3.4-01]; [H3-3.4-03].

2. Điểm mạnh

Bếp ăn được sắp xếp theo quy trình bếp một chiều, được xây dựng kiên cố, có đầy đủ đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú. Có kho thực phẩm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn. Có hệ thống cung cấp nước sạch và chỗ rửa tay với xà phòng. Có phương tiện phân loại, thu gom và vận chuyển rác.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phát huy điểm mạnh, tham mưu xây dựng nhà bếp theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non, khi hạng mục công trình cũ được thanh lý.	Hiệu trưởng	Tham mưu, lập tờ trình	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	300.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 07/07 lớp có đủ đồ dùng, thiết bị, đồ chơi và học liệu đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo đúng quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN [H3-3.1-05].

Hằng năm nhà trường thường xuyên phát động giáo viên tích cực làm đồ dùng, đồ chơi để phục vụ học tập và vui chơi cho trẻ. Các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm, nhà trường tự mua ngoài danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ [H1-1.5-02]; [H3-3.1-05].

Hằng năm nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản của các lớp và đánh giá chất lượng của thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. Thống kê những đồ dùng, đồ chơi đã hỏng, đề nghị thanh lý, lập nhu cầu mua sắm và xin Phòng GD&ĐT thành phố cấp bổ sung thêm. Với những thiết bị, đồ dùng đồ chơi hư hỏng đã sửa chữa kịp thời, một số hư hỏng nhẹ, nhà trường huy động phụ huynh, giáo viên, nhân viên trong trường tự sửa chữa trong năm học [H3-3.1-05]; [1.4-06].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.1-05]; [H3-3.5-01]; [1.4-06].

Nhà trường có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều lệ trường mầm non [H3-3.1-05].

Hằng năm nhà trường được bổ sung các thiết bị dạy học mở rộng ngoài danh mục theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/NBHN-BGDĐT ngày 23/03/2015 về ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Chỉ đạo các nhóm, lớp làm đồ dùng đồ chơi tự tạo phục vụ cho các hoạt động trong ngày của cô và trẻ [H3-3.1-05]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Các thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm hoặc ngoài danh mục quy định đều được bổ sung hằng năm; được giáo viên khai thác, sử dụng thường xuyên, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.1-05]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 07/07 lớp có đủ đồ dùng, thiết bị, đồ chơi và học liệu theo đúng quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho GDMN. Đồ dùng, đồ chơi tự làm được sử dụng có hiệu quả thiết thực trong chăm sóc giáo dục trẻ tại nhóm lớp. Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Hằng năm nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản của các lớp và đánh giá chất lượng của thiết bị, đồ dùng, đồ chơi. Thống kê những đồ dùng, đồ chơi đã hỏng, lập kế hoạch mua sắm và xin Phòng GD&ĐT thành phố cấp bổ sung thêm.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Rà soát, kiểm kê, lập tờ trình xin bổ sung đồ dùng, đồ chơi, các trang thiết bị hằng năm.	CBQL, GV, NV	Tham mưu, lập tờ trình	Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo	200.000.000/năm

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; có 10 nhà vệ sinh cho học sinh, trong đó có 06 nhà vệ sinh khép kín và 04 nhà vệ sinh liền kề, được xây dựng kiên cố, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận tiện khi sử dụng [3.6-01].

Hệ thống thoát nước được lắp đặt đảm bảo vệ sinh không ô nhiễm môi trường; có máy lọc nước, nguồn nước sạch đảm bảo đủ nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ [3.6-02]; [H3-3.4-03].

Nhà trường có hệ thống thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường như: có thùng đựng và phân loại rác thải; có đầy đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để đựng rác và phân loại rác tạm thời, các phương tiện này được làm vệ sinh và khử trùng thường xuyên. Rác thải được thu gom hằng ngày và được vận chuyển tới nơi xử lý tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm môi trường [3.6-03].

Mức 2:

Các phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên nhân viên đảm bảo thuận tiện, xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo đúng quy định tại mục 3 Điều 28 của Điều lệ trường mầm non; các phòng vệ sinh cho trẻ đảm bảo đủ diện tích 0,85m² cho một trẻ, có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái, các phòng được xây dựng liền kề và khép kín với phòng sinh hoạt chung thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát. Có đầy đủ các thiết bị phù hợp với từng độ tuổi. Khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ [3.6-01].

Nhà trường sử dụng nước ăn uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ từ nguồn nước do nhà máy nước của Thành phố Điện Biên Phủ cung cấp. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đảm bảo theo quy định khoản 3, Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLN-BGD&ĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ y tế cụ thể: có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ứ đọng xung quanh trường, lớp. Có hệ thống thoát nước riêng cho khu vực nhà bếp, khu vệ sinh, có thùng đựng và phân loại rác, tự thu gom rác thải vận chuyển đến nơi tập trung, không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-03]; [1.4-06]; [3.6-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được xây dựng kiên cố, đảm bảo không ô nhiễm môi trường, thuận tiện khi sử dụng, đảm bảo đủ diện tích 0,85m² cho một trẻ, có chỗ riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có khu vệ sinh riêng cho nam và nữ; có đầy đủ

nguồn nước sạch để sử dụng, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Phát huy điểm mạnh, tham mưu xây dựng lại nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và các nhà vệ sinh liên kề của trẻ khi hạng mục công trình cũ được thanh lý.	Hiệu trưởng	Tham mưu, lập tờ trình	Năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo	200.000.000

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có đủ diện tích đất sử dụng, có khuôn viên riêng biệt, có hàng rào bao quanh, biển cổng trường được thiết kế phù hợp, sân vườn được quy hoạch đảm bảo hợp lý, có cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh, có vườn cây cho trẻ chăm sóc, khám phá. Có đủ phòng sinh hoạt chung đảm bảo diện tích được xây dựng kiên cố, thuận tiện cho hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ. Các phòng giáo dục thể chất, tin học, âm nhạc, làm quen ngoại ngữ, bếp ăn và khối phòng hành chính quản trị đều được xây dựng kiên cố, đủ diện tích và có đủ đồ dùng, thiết bị, phương tiện làm việc cần thiết, phù hợp với mỗi loại phòng. Nhà trường có hệ thống cống rãnh thoát nước hợp vệ sinh, có nguồn nước sạch, có nhà vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, nhà vệ sinh của trẻ được xây dựng đúng theo quy định. Các lớp có đủ đồ dùng, đồ chơi theo quy định và đảm bảo an toàn, phù hợp với độ tuổi của trẻ.

- *Tổng số tiêu chí: 6 tiêu chí*

+ *Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6*

+ *Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0*

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Trong những năm học qua nhà trường đã xây dựng được mối quan hệ phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, chăm lo cho việc chăm sóc, giáo dục trẻ, luôn nhận được sự quan tâm của các ban ngành, đoàn thể và các tổ chức xã hội trong việc chăm sóc giáo dục trẻ ở nhà trường.

Hằng năm nhà trường thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ em theo đúng cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và hoạt động tuân thủ theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em, có kế hoạch hoạt động theo từng năm.

Nhà trường phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ chức tốt các hoạt động giáo dục trẻ, chuẩn bị nội dung của các cuộc họp cha mẹ học sinh trong năm học. Có biện pháp và hình thức phù hợp để tuyên truyền về phương pháp chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp Ủy Đảng, chính quyền, phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng nhà trường và tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện phù hợp với truyền thống của địa phương. Tạo cảnh quan môi trường sư phạm an toàn thân thiện góp phần nâng cao chất lượng toàn diện của nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm nhà trường đều có Ban đại diện cha mẹ trẻ em được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ trẻ em (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011) gồm: 01 Trưởng ban, 01 Phó ban và các ủy viên thường trực. Đồng thời nhà trường đã chỉ đạo các lớp tiến hành họp phụ huynh học sinh và bầu ra

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của mỗi lớp với 03 thành viên Hằng năm ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường có kế hoạch hoạt động theo năm học, phối kết hợp với nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học [H4-4.1-01]; [H1-1.5-02]; [H4-4.1-02].

Ban đại diện cha mẹ trẻ em của nhà trường thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ. Hằng năm Ban đại diện cha mẹ học sinh triển khai, tổ chức thực hiện các nội dung hoạt động theo kế hoạch. Các nội dung đã được thảo luận, thống nhất trong các cuộc họp của Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, lớp có hiệu quả cao [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối hợp có hiệu quả với nhà trường tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục theo nội dung được thống nhất. Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động cụ thể và phối kết hợp với nhà trường chuẩn bị tốt các nội dung tuyên truyền, cùng nhà trường hướng dẫn tuyên truyền phổ biến Pháp luật, chủ trương Chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ. Bên cạnh đó nhà trường cũng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các lớp hàng ngày trao đổi các thông tin với phụ huynh về tình trạng sức khỏe, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ để từ đó có biên pháp chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]; [4.1-06]; [4.1-07]; [H4-4.1-08].

Mức 3:

Trong những năm học qua Ban đại diện cha mẹ trẻ em đã phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường theo quy định của điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. Góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có Ban đại diện cha mẹ HS (Học sinh) các lớp, Ban đại diện cha mẹ HS nhà trường trong từng năm học. Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch hoạt động và hoạt động đúng tiến độ. Ban đại diện cha mẹ học sinh đã phối hợp rất hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ trong năm học như các hoạt động giáo dục, tuyên truyền phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ...

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
-----------------------------------	--------------------	------------------------	---------------------	------------------

Trong thời gian tới nhà trường tiếp tục phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh tuyên truyền, vận động phụ huynh nhiệt tình tham gia vào công việc chung, hỗ trợ kinh phí hoạt động và làm tốt những mục tiêu mà Ban đại diện cha mẹ trẻ đề ra, tiếp tục có các biện pháp tích cực và có nhiều hình thức để truyền thông, hướng dẫn cha mẹ trẻ chăm sóc, giáo dục trẻ ở nhà.	Hiệu trưởng, Giáo viên, Phụ huynh	Kế hoạch truyền thông về công tác GDMN phối hợp với CMHS.	Thực hiện trong năm học 2019 – 2020 và trong những năm học tiếp theo
Giáo viên tăng cường trao đổi thông tin với phụ huynh để có những biện pháp phối kết hợp chăm sóc, giáo dục trẻ phù hợp. Có biện pháp tích cực thúc đẩy hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp đi vào chiều sâu mang lại hiệu quả cao hơn.	Ban giám hiệu, Giáo viên, Phụ huynh	Góc tuyên truyền của các lớp phối hợp với CMHS.	Thực hiện trong năm học 2019 – 2020 và trong những năm học tiếp theo

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) *Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

b) *Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

c) *Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, đưa ra giải pháp cụ thể dựa trên mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học để đề ra chiến lược phát triển nhà trường như: xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, tham mưu về việc thỏa thuận thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục. Tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện tốt phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]; [H4-4.2-01].

Nhà trường tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục. Các mục tiêu, nội dung, kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: Tuyên truyền thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, tuyên truyền qua đài phát thanh, trang Web của nhà trường, qua trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ trẻ [H4-4.1-03]; [H4-4.1-05]; [4.1-07].

Nhà trường huy động nguồn nhân lực của hội phụ huynh học sinh, huy động ngày công của phụ huynh trong việc cải tạo cảnh quan môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. Trong năm học nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, đã huy động và sử dụng các khoản vận động tài trợ của CMHS, đóng góp để phục vụ cho các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà trường trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H4-4.2-02].

Mức 2:

Nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường theo từng năm học và theo giai đoạn [H1-1.1-01]; H4-4.2-01].

Xây dựng kế hoạch phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các

hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương một cách hiệu quả như: tổ chức Ngày hội đến trường của bé, Ngày tết trung thu, Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, hội thi “Bé khỏe – Bé ngoan”, tổ chức cho cô và trẻ đi tham quan các di tích lịch sử, khu du lịch sinh thái Him Lam, Ngày tổng kết năm học, chia tay học sinh 5 tuổi [4.2-03].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ em phối kết hợp với nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa. [H4-4.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xác định công tác giáo dục là của toàn Đảng, toàn dân, mọi tổ chức đoàn thể, vì vậy nhà trường làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển theo năm học, giai đoạn. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương. Huy động và sử dụng các nguồn nhân lực hợp pháp theo quy định. Nhiều năm qua nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục duy trì làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương, để phát triển nhà trường như xây dựng mạng lưới quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất, huy động trẻ trong độ tuổi đến trường, công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.	Ban giám hiệu	Các kế hoạch, báo cáo tham mưu với địa phương, các đoàn thể...	Thực hiện trong năm học 2019 - 2020 và trong những năm học tiếp theo	
Trong thời gian tới nhà trường sẽ	Ban giám	Thông qua	Thực hiện	

làm tốt công tác tuyên truyền về nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục và về các hoạt động lễ hội, sự kiện của nhà trường, để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.	hiệu, giáo viên	các bài truyền thông, các tin bài trên trang Web của nhà trường...	trong năm học 2019 - 2020 và trong những năm học tiếp theo
--	-----------------	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Nhà trường đã có các hoạt động tích cực tuyên truyền để tăng cường sự hiểu biết của cộng đồng và nhân dân về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục, các kiến thức về chăm sóc giáo dục trẻ theo khoa học, tạo điều kiện cho cha mẹ và toàn thể cộng đồng cùng tham gia, giám sát các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ tại nhà trường. Đồng thời làm tốt việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa nhà trường và gia đình thông qua các hoạt động: Họp phụ huynh, công tác tuyên truyền tại nhà trường và tại nhóm, lớp; trao đổi trực tiếp với phụ huynh trong các giờ đón, trả trẻ, thông qua các hội thi, các hoạt động lễ hội như tết trung thu, tết thiếu nhi...

Tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền phường Him Lam để luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhà trường thực hiện các phương hướng, chiến lược xây dựng nhà trường hàng năm. Tiếp tục duy trì nhà trường đạt danh hiệu đơn vị văn hóa để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của Phường Him Lam.

- Tổng số tiêu chí: 2 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 2

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ vừa là mục tiêu, nhiệm vụ, vừa là giải pháp quan trọng trong suốt những năm học vừa qua. Để chất lượng giáo dục ngày

một nâng cao, nhà trường luôn chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục nhà trường; Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp. Quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tạo cơ hội cho trẻ được học tập, vui chơi, trải nghiệm. Tổ chức các hoạt động giáo dục đa dạng về hình thức, linh hoạt về phương pháp dạy học, phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, với trẻ và điều kiện nhà trường, địa phương nhằm phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo giúp trẻ phát triển toàn diện. Trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. Không để xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường. 100% trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm học, được cân, đo và theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng. Trẻ đến trường được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo chương trình GDMN hiện nay đảm bảo cho trẻ được phát triển toàn diện về các mặt đức - trí - thể - mỹ. Đảm bảo trẻ có sự phát triển về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và thẩm mỹ theo mục tiêu chương trình GDMN của các độ tuổi.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*
- b) *Hàng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, tổ chức thực hiện

Chương trình giáo dục mầm non theo các văn bản hướng dẫn hiện hành như: Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; chỉ đạo các nhóm, lớp xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục theo năm học, kế hoạch tháng/chủ đề, kế hoạch tuần, kế hoạch ngày đảm bảo chất lượng và lồng ghép các sự kiện trong năm [H1-1.8-01];[H1-1.5-02].

Chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành được nhà trường xây dựng thành chương trình giáo dục nhà trường thực hiện phù hợp với quy định chuyên môn, với điều kiện thực tế của nhà trường như: Chỉ đạo giáo viên căn cứ vào chương trình khung do Bộ GD&ĐT chương trình của nhà trường ban hành lựa chọn mục tiêu, nội dung giáo dục cho năm học, từng chủ đề phù hợp với thực tế nhóm, lớp, nhận thức của học sinh, triển khai thực hiện có hiệu quả đảm bảo mục tiêu giáo dục cuối độ tuổi [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Định kỳ, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non vào đầu năm, giữa năm và cuối năm, có báo cáo tổng kết đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non sau mỗi năm học. Trong năm học nhà trường tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng học sinh để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời, phù hợp cho năm học tiếp theo [H1.1.10-08]; [H5-5.1-01]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục nhà trường đảm bảo chất lượng như: 07/07 lớp thực hiện tốt nội dung chương trình, 95% trẻ trở lên thực hiện tốt các mục tiêu giáo dục theo các chủ đề và cuối độ tuổi [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02]; [5.1-02].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên các nhóm lớp căn cứ vào chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành lựa chọn mục tiêu, nội dung xây dựng chương trình giáo dục nhà trường, kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề phù hợp với điều kiện của nhóm lớp, của nhà trường, văn hóa của địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu nhận thức của trẻ theo từng độ tuổi. Tổ chức và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng, mục tiêu cần đạt cuối độ tuổi [H5-5.1-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định để phù hợp với thực tiễn của giáo viên [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Hàng năm nhà trường tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H5-5.1-01]; [H1-1.10-08]; [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch và đảm bảo chất lượng, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và nhu cầu hứng thú của trẻ. Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, chương trình giáo dục nhà trường phù hợp theo quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, phù hợp với nhu cầu và khả năng nhận thức của trẻ nhằm đáp ứng khả năng và nhu cầu khám phá của trẻ. Định kỳ, nhà trường tổ chức kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên, chất lượng học sinh để có kế hoạch điều chỉnh kịp thời.

3. Điểm yếu: Nhà trường chưa tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định để phù hợp với thực tiễn của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục nâng cao chất lượng thực hiện chương trình chăm sóc giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thông qua việc rà soát và điều chỉnh kế hoạch thực hiện cho phù hợp.	Cán bộ Quản lý-Tổ trưởng chuyên môn-Giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn Cán bộ Quản lý, giáo viên. Theo chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và của nhà trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc
Tham khảo và áp dụng chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định vào tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.	Cán bộ Quản lý-Tổ trưởng chuyên môn-Giáo viên cốt cán.	Bồi dưỡng chuyên môn Cán bộ Quản lý, giáo viên. Theo chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và của nhà trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) *Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;*

b) *Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;*

c) *Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.*

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Giáo viên đã tổ chức thực hiện linh hoạt các phương pháp giáo dục trẻ như: Quan sát- đàm thoại, giảng giải- thuyết trình, động viên - khuyến khích, tình cảm - khích lệ, nêu gương, đánh giá... nhằm kích thích trẻ tham gia vào các hoạt động và tổ chức hoạt động linh hoạt mang lại hiệu quả; Phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và đặc điểm phát triển của độ tuổi, điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02].

Nhà trường tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học theo quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm tạo điều kiện cho tất cả các trẻ được vui chơi, trải nghiệm như: Khu đá bóng, khu vận động, Chăm sóc vườn rau, vườn hoa, góc thiên nhiên [5.1-02]; [5.2-01].

Các nhóm lớp tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế: Hoạt động giao lưu hoạt động tập thể giữa các lớp với nhau như tổ chức “Ngày hội đến trường của bé, ngày 20/11, Hội thi Bé khỏe - Bé ngoan, tết trung thu, tổ chức cho trẻ đi tham quan các di tích lịch sử, đi dã ngoại ở khu du lịch sinh thái Him Lam [4.2-02]; [5.2-02].

Mức 2:

Các lớp tổ chức các hoạt động cho trẻ được thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh ở mọi lúc mọi nơi, mang tính thiết thực, phù hợp với nhu cầu, khả năng, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường như: Chăm sóc vườn rau, vườn hoa, góc thiên nhiên, nhặt lá trên sân trường, chơi các trò chơi dân gian...Đặc biệt

là các hoạt động thực hành, trải nghiệm như cho trẻ chơi với cát, sỏi, nước, làm các sản phẩm tạo hình, thực hành pha các loại nước trái cây, làm bánh [5.1-02]; [5.2-03].

Mức 3:

Các nhóm lớp trong trường đã trang trí tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ theo hướng trẻ được vui chơi, trải nghiệm, trẻ được tham gia các hoạt động theo phương châm “Chơi mà học, học bằng chơi” như: Chăm sóc vườn rau, vườn hoa, góc thiên nhiên, nhặt lá trên sân trường, chơi các trò chơi dân gian...Đặc biệt là các hoạt động thực hành, trải nghiệm như cho trẻ chơi với cát, sỏi, nước, làm các sản phẩm tạo hình, thực hành pha các loại nước trái cây, làm bánh [H1-1.8-01]; [H1-1.5-02]; [5.1-02]; [5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên đã linh hoạt sử dụng các phương pháp, các hình thức phong phú giúp trẻ khắc sâu kiến thức, mở rộng vốn hiểu biết, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục. Môi trường trong và ngoài lớp ở tất cả các lớp trong trường được trang trí đẹp mắt, phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “học bằng chơi, chơi mà học”.Nhà trường đã tổ chức các hoạt động lễ hội, các hoạt động tham quan, dã ngoại cho trẻ được hoạt động, thực hành trải nghiệm bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với trẻ và điều kiện thực tế như tổ chức “Ngày hội đến trường của bé, ngày 20/11, Hội thi Bé khỏe bé ngoan, tết trung thu, đi tham quan các khu di tích lịch sử”.

3. Điểm yếu: Không

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục cải tạo môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học. Như tiếp tục cải tạo khu vận động, vườn cây, vườn rau của bé.	Ban giám hiệu, GV, NV	Phụ thuộc vào điều kiện thực tế tại nhà trường	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	200.000.000
Chỉ đạo giáo viên linh hoạt, sáng tạo trong công tác xây dựng, tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, tạo điều kiện cho	Ban giám hiệu, GV, NV	Phụ thuộc vào điều kiện thực tế tại nhà trường	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học	Tự túc

học sinh có cơ hội học tập vui chơi và trải nghiệm.			tiếp theo	
---	--	--	-----------	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;

c) Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;

b) Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;

c) 100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm nhà trường làm tốt công tác phối hợp với trạm y tế phường Him Lam, tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm, cho trẻ uống vitamin, thuốc tẩy giun, cấp phát tờ rơi tuyên truyền về phòng chống dịch bệnh theo mùa, kế hoạch phòng chống dịch bệnh COVID-19 [H1-1.10-04].

100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định. Tính đến thời điểm đánh giá tỷ lệ trẻ có chiều cao bình thường đạt 97,6%, cân nặng phát triển bình thường đạt 95,2% [H5-5.3-01].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được nhà trường quan tâm can thiệp bằng những biện pháp phù hợp như thường xuyên thay đổi khẩu phần ăn cho trẻ, có chế

độ dinh dưỡng hợp lý với từng trẻ, có kế hoạch luyện tập phù hợp. Tính đến thời điểm đánh giá tình trạng suy dinh dưỡng so với đầu năm học: thể nhẹ cân giảm 5,1%, thể thấp còi giảm 4,4% [H1-1.10-04]; [1.6-05].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có kế hoạch truyền thông giáo dục sức khỏe, có đầy đủ các biểu bảng tuyên truyền, tháp dinh dưỡng trước lớp để tư vấn cho cha mẹ trẻ về tình trạng sức khỏe, chế độ dinh dưỡng, vệ sinh an toàn thực phẩm, kiến thức nuôi con theo khoa học giúp phát triển thể chất và tinh thần của trẻ [H1-1.10-04]; [5.3-02]; [4.1-07].

Nhà trường tổ chức cho trẻ mẫu giáo ăn tại trường gồm một bữa chính và một bữa phụ, trẻ nhà trẻ gồm hai bữa chính và một bữa phụ, ngoài ra nhà trường còn tổ chức cho trẻ mẫu giáo và trẻ nhà trẻ ăn sáng tại nhà trường, đảm bảo năng lượng phân phối cho các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu. Chế độ ăn hàng ngày của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối 4 nhóm thực phẩm, nhà trường xây dựng thực đơn hàng tháng, hàng tuần đảm bảo, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 777/QĐ-BGD&ĐT ngày 14/3/2017 (Điều chỉnh lại điểm d khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT) [1.6-05].

100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được theo dõi, can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, hàng tháng cân đo trẻ suy dinh dưỡng, béo phì để điều chỉnh chế độ ăn cho trẻ. Hàng năm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng giảm so với đầu năm học từ 7-8%. Tính đến thời điểm đánh giá cân nặng: Cân nặng bình thường: 160/168 trẻ chiếm 95,2%, suy dinh dưỡng nhẹ cân 6/168 trẻ chiếm 3,6%, Thừa cân 1/168 trẻ chiếm 0,6%, Béo phì 1/168 trẻ chiếm 0,6%. Chiều cao bình thường: 164/ 168 chiếm 97,6%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/168 chiếm 2,4%. [H1-1.10-04].

Mức 3:

Hàng năm nhà trường đều có 95% trở lên trẻ khỏe mạnh về chiều cao, cân nặng phát triển bình thường. Tính đến thời điểm đánh giá cân nặng bình thường: 160/168 trẻ chiếm 95,2%, suy dinh dưỡng nhẹ cân 6/168 trẻ chiếm 3,6%, Thừa cân 1/168 trẻ chiếm 0,6%, Béo phì 1/168 trẻ chiếm 0,6%. Chiều cao bình thường: 164/168 chiếm 97,6%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/168 chiếm 2,4% [H1-1.10-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường phối hợp với trạm y tế phường Him Lam, tổ chức tốt các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ như tổ chức khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm, Trạm Y Tế phường Him Lam tổ chức tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun, kế hoạch phòng chống dịch bệnh COVID-19. Trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng cân, đo theo đúng quy định, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng. Nhà

trường có kế hoạch giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng có biện pháp can thiệp với trẻ thừa cân, béo phì.

3. Điểm yếu: Suy dinh dưỡng nhẹ cân 6/168 trẻ chiếm 3,6%, Thừa cân 1/168 trẻ chiếm 0,6%, Béo phì 1/168 trẻ chiếm 0,6%, suy dinh dưỡng thể thấp còi: 4/168 chiếm 2,4%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường tiếp tục phối hợp với trạm y tế phường Him Lam khám sức khỏe định kỳ tổ chức tiêm phòng và uống vitamin A, tẩy giun... cho trẻ. Nhà trường kết hợp cùng với giáo viên trong việc chăm sóc cho trẻ và tuyên truyền tới cha mẹ trẻ về chế độ ăn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ tại gia đình.	Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ. Nhân viên y tế của nhà trường.	Điều kiện của nhà trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc
Tiếp tục tuyên truyền, tăng cường phòng dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới COVID-19	Ban giám hiệu nhà trường, giáo viên trực tiếp chăm sóc trẻ. Nhân viên y tế của nhà trường.	Điều kiện của nhà trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc
Tuyên truyền phối kết hợp với cha mẹ trẻ để có biện pháp phục hồi dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.	Ban giám hiệu, y tế, giáo viên, cha mẹ trẻ.	Tuyên truyền, phối kết hợp	Hàng tháng	

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi, 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường và giáo viên đã làm tốt công tác tuyên truyền tới chính quyền địa phương, vận động phụ huynh cho trẻ đi học đều, chuyên cần; Hằng năm tỷ lệ chuyên cần của trẻ 5 tuổi đạt 97%trở lên, đối với trẻ dưới 5 tuổi tỷ lệ chuyên cần đạt 92% trở lên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục Mầm non [H5-5.4-01].

Năm học 2019-2020 nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập. Hằng năm nhà trường chỉ đạo các nhóm lớp quan tâm đến những trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, xây dựng kế hoạch giáo dục có lồng ghép các nội dung chăm sóc, giáo dục phù hợp với thực tế của nhóm lớp, nhận thức và điều kiện hoàn cảnh gia đình trẻ [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

Nhà trường và giáo viên đã làm tốt công tác tuyên truyền tới chính quyền địa phương, vận động phụ huynh cho trẻ đi học đều, chuyên cần; hằng năm tỷ lệ chuyên cần

của trẻ 5 tuổi đạt 97%trở lên, đối với trẻ dưới 5 tuổi tỷ lệ chuyên cần đạt 92% trở lên [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục Mầm non [H5-5.4-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mức 3:

Hằng năm nhà trường có 100% số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình Giáo dục Mầm non [H5-5.4-01].

Nhà trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ trẻ chuyên cần của trẻ ở các độ tuổi đạt ở mức cao, trẻ 5 tuổi đạt 97%, trẻ ở các độ tuổi khác đạt 92%. Trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt 100%

3. Điểm yếu: Tỷ lệ chuyên cần trẻ 5 tuổi còn 3% , tỷ lệ chuyên cần trẻ dưới 5 tuổi còn 8%

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện để thực hiện	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí
Nhà trường và giáo viên tại các lớp làm tốt công tác trang trí tạo môi trường giáo dục để thu hút học sinh, tuyên truyền phụ huynh học sinh về tầm quan trọng của giáo dục mầm non để phụ huynh quan tâm đưa trẻ đến trường đúng độ tuổi, không cho trẻ nghỉ học tự do để đảm bảo tỷ lệ học sinh chuyên cần.	Ban giám hiệu nhà trường và giáo viên	Dựa vào số lượng HS tại trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc
Làm tốt công tác tuyên truyền duy trì tỷ lệ chuyên cần của trẻ ở các thời điểm trước và sau tết nguyên đán, khi nhiệt độ xuống thấp, tuyên truyền và phối kết hợp với phụ huynh luôn quan	Ban giám hiệu nhà trường và giáo viên	Dựa vào số lượng HS tại trường.	Trong năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo	Tự túc

tâm đến trẻ, mặc áo ấm, đi giày dép trẻ, vệ sinh các nhân cho trẻ.				
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường tổ chức cho giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường. Nhà trường đã tổ chức các hoạt động lễ hội, cho trẻ đi tham quan, dã ngoại, cho trẻ được hoạt động, thực hành trải nghiệm, tham gia hoạt động tập làm người lớn qua hoạt động góc hàng ngày. Đa số giáo viên đã linh hoạt sử dụng các phương pháp, các hình thức phong phú giúp trẻ khắc sâu kiến thức, mở rộng vốn hiểu biết của trẻ.

Nhà trường đã có nhiều biện pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, do đó kết quả chăm sóc giáo dục trẻ từng bước được nâng lên đạt ở mức cao: Tỷ lệ trẻ phát triển ở kênh bình thường về cân nặng, chiều cao hằng năm trên 95%. Đa số trẻ có sự phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, tỷ lệ trẻ đạt yêu cầu ở các lĩnh vực phát triển hằng năm đạt 100%. Đa số trẻ ngoan ngoãn, lễ phép, mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp, có nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt, trong học tập và vui chơi, có kỹ năng sống cần thiết, có ý thức giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường. Đa số trẻ đi học chuyên cần, tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần đạt ở mức cao. Hằng năm có 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN.

- Tổng số tiêu chí: 4 tiêu chí

+ Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4

+ Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong 5 năm từ năm học 2015-2016 đến nay. Trường mầm non Sơn Ca thành phố Điện Biên Phủ đã có những bước phát triển nổi bật. Nhiều năm liền đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được UBND tỉnh công nhận. Các hoạt động của nhà trường đều phát triển, ổn định và bền vững.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, dạy và học của nhà trường ngày càng được đầu tư, bổ sung thường xuyên, nhà trường có khuôn viên kang trang rộng rãi môi trường xanh – sạch – đẹp – an toàn và thân thiện.

Đội ngũ cán bộ giáo viên của trường có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn nghiệp vụ, nhiệt tình, có trách nhiệm trong công việc được giao, nhiều giáo viên có phương pháp giảng dạy tốt. 100% số cán bộ giáo viên nhà trường có trình độ trên chuẩn, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đổi mới giáo dục. Thực hiện nghiêm túc nội dung chương trình Giáo dục mầm non theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phương pháp dạy học đã dần được đổi mới phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của trẻ.

Kết quả chăm sóc giáo dục trẻ của nhà trường trong nhiều năm qua đã đạt kết quả cao, trẻ đạt được mục tiêu phát triển toàn diện theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Hưởng ứng và thực hiện đúng quy trình kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non theo Quy định tại Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã triển khai và tiến hành công tác tự đánh giá để tự xem xét về hiện trạng và hiệu quả các hoạt động giáo dục, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí trong các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành. Từ đó đề xuất kế hoạch cải tiến nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục để được đăng ký kiểm định và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Phạm vi tự đánh giá của nhà trường bao gồm toàn bộ các hoạt động giáo dục của 25 tiêu chí thuộc 5 tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục của trường mầm non.

Qua quá trình tự đánh giá một cách khách quan, trung thực, nghiêm túc, Hội đồng tự đánh giá trường Mầm non Sơn Ca đã đánh giá kết quả đạt được của nhà trường như sau:

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 25/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/25 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 19/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/19 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức đánh giá của trường: Mức 3

- Trường mầm non Sơn Ca – Thành phố Điện Biên Phủ, đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Him Lam, ngày 16 tháng 12 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

